

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

THÔNG TIN CHUNG

cuu duong than cong. com

Thông tin về giảng viên

- Giảng viên:.....
- Địa chỉ:
- Website: <http://www.khoathongke.neu.edu.vn/>
- Số điện thoại liên lạc:
- Địa chỉ email:cuu.duong.than.cong@neu.edu.vn.....

Kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung
1	Bài 1 – Những vấn đề chung của thống kê kinh tế
2	Bài 2 – Thống kê dân số và lao động
3	Bài 3 – Thống kê của cải quốc dân
4	Bài 4 - Thống kê Giá trị sản xuất
5	Bài 5 - Thống kê Tổng sản phẩm trong nước
6	Bài 6 – Bảng cân đối liên ngành
7	Bài 7 – Thống kê năng suất
	Kiểm tra

Phương pháp đánh giá học phần

- Cơ cấu điểm:

- *Đánh giá của giảng viên: 10%*
- *Điểm kiểm tra: 30% (01 bài kiểm tra)*
- *Điểm thi hết học phần: 60%*

- Điều kiện được dự thi hết học phần:

Điểm 10% ≥ 5 ; Điểm kiểm tra ≥ 3

- Yêu cầu khác của giảng viên đối với người học:

.....

.....

Nội dung tổng quát

- Là môn học nghiên cứu phương pháp luận xây dựng và tích toán hệ thống chỉ tiêu đo lường nền kinh tế quốc dân
- Mục tiêu:
 - Trang bị cho học viên toàn cảnh bức tranh nền kinh tế quốc dân vừa tổng quát vừa chi tiết bằng hệ thống chỉ tiêu thống kê định lượng nền kinh tế
 - Trang bị cho học viên phương pháp tính, phân tích và ý nghĩa của từng chỉ tiêu thống kê cũng như nguồn số liệu có thể khai thác, thu thập

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 1

những vấn đề chung của thống kê kinh tế

Nội dung

1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu
2. Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu
3. Tổ chức thống kê kinh tế ở Việt Nam
4. Tổng quan về SNA
5. Các phân tổ chính của thống kê kinh tế

1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu
- Nhiệm vụ của TKKT
- Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Thống kê học

Là mặt lượng trong sự xác định về mặt chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế xã hội số lớn, nghiên cứu cấu trúc, sự phân bố và vị trí của chúng trong không gian, sự biến động theo thời gian để chỉ ra bản chất và tính quy luật vốn có của chúng trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

Đối tượng nghiên cứu của Thống kê kinh tế

Đối tượng nghiên cứu của TKKT là mặt lượng trong sự xác định về mặt chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế diễn ra trong tất cả các giai đoạn sản xuất, phân phối, tiêu dùng và tích lũy của nền kinh tế trong nước cũng như mối quan hệ của nó với nước ngoài, trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đảm bảo cung cấp thông tin kinh tế phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định và thi hành các chính sách về kinh tế
- Đảm bảo thông tin kinh tế cho các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, các nhà quản trị nghiên cứu về thị trường và phát triển trong từng lĩnh vực, từng ngành trong việc hoạch định và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh
- Đảm bảo thông tin vĩ mô cơ bản về xu hướng phát triển chủ yếu của các vấn đề kinh tế xã hội cho các cơ quan nghiên cứu khoa học, các tổ chức chính trị xã hội và cá nhân.

Nguồn thông tin

- Báo cáo kế toán
- Báo cáo thống kê
- Điều tra chuyên môn

2. Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu

- Nhóm chỉ tiêu thống kê tài sản quốc dân
- Nhóm chỉ tiêu thống kê thu nhập quốc dân và GDP
- Nhóm chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư
- Nhóm chỉ tiêu thống kê tích lũy
- Nhóm chỉ tiêu thống kê tài chính
- Nhóm chỉ tiêu thống kê QHKT với nước ngoài
- Nhóm chỉ tiêu thống kê lao động việc làm

3. Tổ chức thống kê kinh tế ở Việt Nam

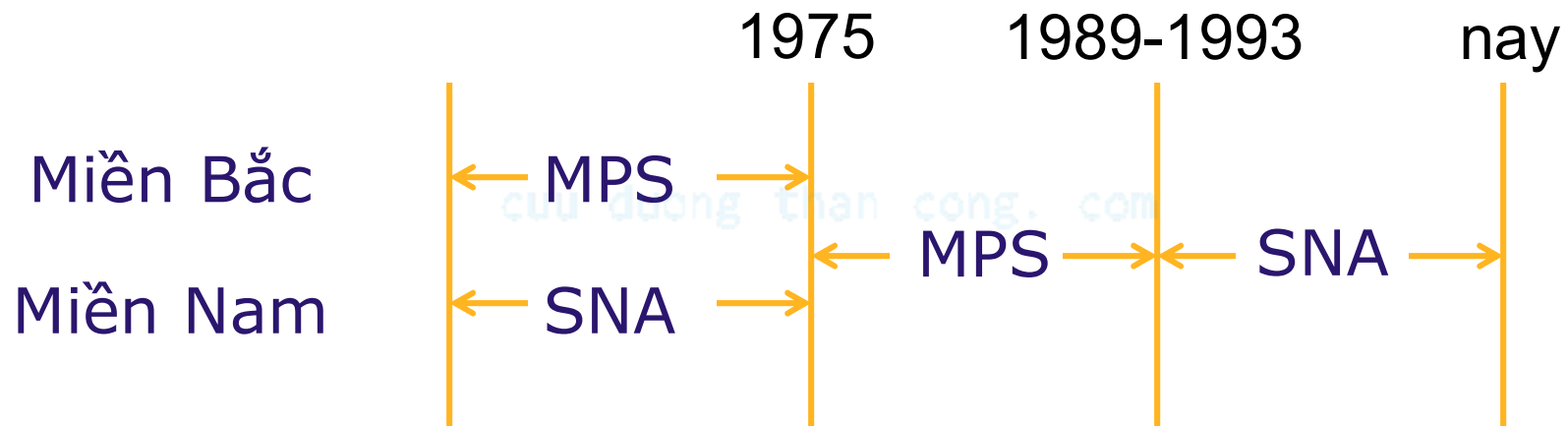
- Hệ thống thống kê nhà nước bao gồm:
 - Hệ thống thống kê tập trung
 - Hệ thống thống kê phi tập trung
- Hệ thống thống kê ngoài nhà nước bao gồm thống kê của các tổ chức kinh tế như doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu, các trang thông tin KTXH,...

4. Tổng quan về SNA

- Lịch sử hình thành và phát triển
- SNA là một hệ thống thông tin kinh tế, bao gồm các tài khoản kinh tế, các bảng thống kê được xây dựng dựa trên những khái niệm, định nghĩa, quy tắc hạch toán thống nhất trên phạm vi toàn cầu

cuu duong than cong. com

Vài nét về quá trình phát triển



Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

Sản xuất – SNA 1993/2008

"Sản xuất là quá trình sử dụng lao động và máy móc thiết bị của các đơn vị thể chế để chuyển những chi phí là vật chất và dịch vụ thành sản phẩm là vật chất (hàng hóa) và dịch vụ khác. Các hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra phải có khả năng bán trên thị trường hoặc có khả năng cung cấp cho đơn vị thể chế khác có thu tiền hoặc không thu tiền".

Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

Thường trú

“Một đơn vị thể chế được gọi là thường trú trên lãnh thổ nghiên cứu nếu đơn vị đó có trung tâm lợi ích kinh tế là trụ sở làm việc, nơi sản xuất hoặc nhà ở, hoạt động sản xuất, giao dịch kinh tế tại đó với thời gian từ một năm trở lên.”

cuu duong than cong. com

Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

- **Lãnh thổ kinh tế** của một quốc gia bao gồm lãnh thổ địa lý chịu sự quản lý của chính phủ mà ở đó dân cư, hàng hóa, vốn được tự do lưu chuyển.
- **Lãnh thổ kinh tế** của một quốc gia bao gồm toàn thể các đơn vị kinh tế thường trú của quốc gia đó.

cuu duong than cong. com

Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

Hàng hoá và dịch vụ

	Hàng hoá	Dịch vụ
Khái niệm	Là kết quả sản xuất dạng hiện vật hữu hình, còn gọi là sản phẩm vật chất	Là kết quả sản xuất có sản phẩm dạng vô hình
Đặc điểm	Quá trình sản xuất và tiêu dùng tách biệt nhau, có thể tách quyền sở hữu khỏi người sản xuất và thiết lập quyền đó ở người khác qua các giao dịch trên thị trường	Quá trình sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, không thể tách khỏi người sản xuất để thiết lập quyền sở hữu.

Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

Tiêu dùng trung gian, Tiêu dùng cuối cùng

- ***Tiêu dùng trung gian (intermediate consumption)*** là việc sử dụng hàng hóa và dịch vụ làm đầu vào cho quá trình sản xuất và đã được dùng hết trong một chu kỳ kế toán.
- ***Tiêu dùng cuối cùng (final consumption)*** là việc sử dụng hàng hóa và dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu cuối cùng của hộ gia đình và xã hội (bao gồm TDCC của dân cư và TDCC của chính phủ).

Các khái niệm và định nghĩa cơ bản

Giao dịch, chuyển nhượng

- **Giao dịch** là sự tác động qua lại giữa các đơn vị thể chế với sự đồng ý của các bên hoặc là hành động của một đơn vị thể chế nhưng về bản chất tương tự như hai đơn vị
- **Chuyển nhượng** là các giao dịch một chiều. Chuyển nhượng có thể là tiền tệ hoặc phi tiền tệ, chuyển nhượng được chia thành chuyển nhượng hiện hành và chuyển nhượng vốn.

5. Các phân tổ chính của Thống kê kinh tế

- Phân khu vực thể chế
- Phân ngành KTQD
- Phân loại sản phẩm

5.1. Phân khu vực thể chế

- **Đơn vị thể chế** (institutional units) là một thực thể kinh tế có quyền sở hữu tích sản, phát sinh tiêu sản, thực hiện các hoạt động, giao dịch kinh tế với những thực thể kinh tế khác.
- Các loại đơn vị thể chế
- Nguyên tắc phân khu vực thể chế

Phân khu vực thể chế

- **Các khu vực thể chế:**
 - KVTC phi tài chính
 - KVTC tài chính
 - KVTC nhà nước
 - KVTC không vị lợi
 - KVTC Hộ gia đình
 - KVTC nước ngoài (ROW)

KVTC phi tài chính (*Non-financial Corporations sector*)

Bao gồm các đơn vị thể chế thường trú, có tư cách pháp nhân, có chức năng sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ bán trên thị trường với mục đích thu lợi nhuận, nguồn kinh phí hoạt động lấy từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

KVTC tài chính (*Financial Corporations sector*)

Gồm các đơn vị thể chế thường trú, có tư cách pháp nhân tham gia vào các hoạt động trung gian tài chính, hoạt động vì lợi nhuận, nguồn kinh phí dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh.

KVTC nhà nước (*General Government sector*)

Bao gồm tất cả các cơ quan, các đơn vị thể chế thuộc bộ máy nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nguồn kinh phí lấy từ ngân sách nhà nước.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

KVTC nhà nước (*General Government sector*)

Bao gồm tất cả các cơ quan, các đơn vị thể chế thuộc bộ máy nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nguồn kinh phí lấy từ ngân sách nhà nước.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

KVTC không vì lợi (*Non-profit Institutions serving households sector*)

Bao gồm các tổ chức KTXH có tư cách pháp nhân sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ phục vụ các cá nhân và cộng đồng với mục đích không thu lợi nhuận, nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức này chủ yếu lấy từ sự đóng góp tự nguyện của các thành viên, do quyền góp bao gồm cả sự tài trợ từ ngân sách nhà nước

KVTC hộ gia đình (*Households sector*)

Bao gồm các hộ gia đình thuần túy tiêu dùng cuối cùng và các hộ gia đình vừa sản xuất vừa tiêu dùng thuộc thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ: nông, lâm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, tiểu thương, dịch vụ cá thể, vv...

KVTC nước ngoài (Rest of the world)

Bao gồm các đơn vị thể chế không thường trú của nền kinh tế

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

5.2. Phân ngành kinh tế

Các khái niệm cơ bản:

- Hoạt động sản xuất
- Đơn vị cơ sở
- Ngành kinh tế
- Nguyên tắc phân ngành

Hoạt động sản xuất

Là một quá trình sản xuất bao gồm các hoạt động được thực hiện bởi một đơn vị thể chế, trong đó có việc sử dụng lao động kết hợp với các hàng hóa, dịch vụ làm đầu vào để sản xuất ra sản phẩm là hàng hóa, dịch vụ của mình.

Đơn vị cơ sở (*Establishments*)

- Là một đơn vị kinh tế đóng tại một địa điểm, sản xuất ra một loại sản phẩm và chịu sự quản lý của một đơn vị thể chế.
- Phân biệt đơn vị cơ sở với đơn vị thể chế

Ngành kinh tế

- **Ngành kinh tế** bao gồm tất cả các đơn vị cơ sở có cùng loại hoạt động sản xuất giống nhau hoặc tương tự nhau.
- **Phân ngành kinh tế** chính là việc phân chia nền kinh tế quốc dân thành các tổ (nhóm) khác nhau dựa theo đặc điểm về hoạt động sản xuất của các đơn vị cơ sở tham gia phân ngành.

Phân ngành kinh tế

- **Căn cứ phân chia:** đặc điểm, chức năng hoạt động của từng đơn vị kinh tế
- **Nguyên tắc phân chia:** Mỗi đơn vị có thể được xếp vào một hay một số ngành kinh tế

Cấp	Tiêu chuẩn quốc tế (ISIC4 - 2006)	Việt Nam (VSIC – 2018)
I	21 ngành	21 ngành
II	88 ngành	88 ngành
III	238 ngành	242 ngành
IV	419 ngành	486 ngành
V	Không phân chia	734 ngành

Phân ngành kinh tế

- | | |
|---|--|
| 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | 13. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ |
| 2. Khai khoáng | 14. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ |
| 3. Công nghiệp chế biến, chế tạo | 15. Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc |
| 4. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí | 16. Giáo dục và đào tạo |
| 5. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 17. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội |
| 6. xây dựng | 18. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí |
| 7. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 19. Hoạt động dịch vụ khác |
| 8. Vận tải kho bãi | 20. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình |
| 9. Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 21. Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế |
| 10. Thông tin và truyền thông | |
| 11. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm | |
| 12. Hoạt động kinh doanh bất động sản | |

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- Nêu và giải thích khái niệm thống kê, trình bày thống kê theo quan niệm cá nhân.
- Nêu và giải thích mối quan hệ của thống kê học với các khoa học khác (kinh tế học, toán, kế toán,...).
- Nêu và giải thích đối tượng nghiên cứu của thống kê học và TKKT.
- Nêu hệ thống chỉ tiêu cơ bản của thống kê kinh tế
- Trình bày tổ chức TKKT ở Việt Nam
- Nêu và giải thích cơ sở lý luận của hệ thống MPS & SNA

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- So sánh sự giống nhau và khác nhau cơ bản của hai hệ thống MPS & SNA
- Nêu và giải thích khái niệm sản xuất, lãnh thổ kinh tế và thương trú trong SNA. Lấy ví dụ minh họa
- Nêu và giải thích khái niệm và nguyên tắc phân ngành kinh tế
- Trình bày Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam hiện nay
- Nêu và giải thích khái niệm và nguyên tắc phân khu vực thể chế
- Phân biệt phân khu vực thể chế với phân ngành kinh tế

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 2

THỐNG KÊ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG

Nội dung

1. Thống kê dân số
2. Thống kê lao động

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

1. Thống kê dân số

Thống kê quy mô và cơ cấu dân:

Các chỉ tiêu phản ánh quy mô dân số

- Số dân
- Số dân thường trú
- Số dân hiện có
- Số dân trung bình

1. Thống kê dân số

Số dân trung bình

- Công thức tính cho thời kỳ không quá 1 năm

$$\bar{S} = \frac{S_{ĐK} + S_{CK}}{2} \quad \bar{S} = \frac{S_1/2 + S_2 + \dots + S_{n-1} + S_n/2}{n-1}$$

- Công thức tính cho thời kỳ dài quá 1 năm

$$\bar{S} = \frac{S_{ck} - S_{đk}}{\ln S_{ck} - \ln S_{đk}}$$

1. Thống kê dân số

Cơ cấu dân số

- Theo giới tính và độ tuổi
- Theo các tiêu thức khác: dân tộc, trình độ văn hóa, nơi cư trú, vv...

1. Thống kê dân số

Cấu trúc tuổi của dân số

Nhóm tuổi	Dân số trẻ (%)	Dân số ổn định (%)	Dân số già (%)
0-14	30	25	20
15-49	50	50	50
≥ 50	20	25	30

1. Thống kê dân số

Thống kê biến động dân số

Quy mô biến động tự nhiên (người, nghìn người,...)	Cường độ biến động tự nhiên (%)
Số sinh (N)	Hệ số sinh: $K_N = \frac{N}{\bar{S}} \times 100$
Số chết (M)	Hệ số chết: $K_M = \frac{M}{\bar{S}} \times 100$
Mức biến động tự nhiên (Δ_{TN}) $\Delta_{TN} = N - M$	Hệ số biến động tự nhiên: $K_{TN} = K_N - K_M$

1. Thống kê dân số

Thống kê di dân (biến động cơ học)

Quy mô biến động tự nhiên (người, nghìn người,...)	Cường độ biến động tự nhiên (%)
Số đến (Đ)	Hệ số đến: $K_{\text{Đ}} = \frac{\text{Đ}}{\text{S}} \times 100$
Số đi (đ)	Hệ số đi: $K_{\text{đ}} = \frac{\text{đ}}{\text{S}} \times 100$
Mức biến động cơ học (Δ_{CH}) $\Delta_{\text{CH}} = \text{Đ} - \text{đ}$	Hệ số biến động cơ học: $K_{\text{CH}} = K_{\text{Đ}} - K_{\text{đ}}$

1. Thống kê dân số

Tốc độ tăng dân số:

$$r = \frac{\ln\left(\frac{S_{ck}}{S_{đk}}\right)}{t} = \frac{\ln S_{ck} - \ln S_{đk}}{t}$$

cuu duong than cong. com

2. Thống kê lao động

- Những khái niệm cơ bản
- Thống kê việc làm và thất nghiệp
- Thống kê biến động lao động

Những khái niệm cơ bản

- Dân số hoạt động kinh tế
- Dân số không hoạt động kinh tế
- Số lao động
- Số thất nghiệp

Những khái niệm cơ bản

- Hệ số dân số hoạt động kinh tế

$$K_{ak} = (S_{ak} / S) \times 100$$

- Hệ số có việc làm:

$$K_L = (L / S_{ak}) \times 100$$

- Hệ số thất nghiệp:

$$K_{UL} = (\text{Số thất nghiệp} / S_{ak}) \times 100$$

Thống kê quy mô và cơ cấu lao động

- Quy mô lao động
- Cơ cấu lao động:
 - Theo tiêu thức: vùng, ngành, KVTC, giới tính, độ tuổi,...
 - Theo khu vực chính thức, phi chính thức

Thống kê nguồn lao động

- Khái niệm
- Bảng cân đối nguồn lao động

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Thống kê lao động

Các chỉ tiêu thống kê biến động lao động:

- Lao động chuyển đến (L_D)
- Lao động chuyển đi (L_d)
- Hệ số lao động chuyển đến (K_D)
- Hệ số lao động chuyển đi (K_d)
- Hệ số tổng lao động chu chuyển (K_L)
- Hệ số thay đổi lao động (K_Z)
- Hệ số ổn định lao động (K_{OD})
- Chỉ số biến động lao động (I_L)

Thống kê sử dụng thời gian lao động

➤ Quỹ thời gian lao động:

- Quỹ thời gian lao động theo lịch
- Quỹ thời gian lao động theo chế độ
- Quỹ thời gian lao động theo khả dụng cao nhất

➤ Các chỉ tiêu phân tích sử dụng thời gian lao động:

- Hệ số quỹ thời gian lao động theo lịch
- Hệ số quỹ thời gian lao động theo chế độ
- Hệ số quỹ thời gian lao động theo khả dụng cao nhất

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- Câu hỏi thảo luận p.147 GT
- Bài tập 1,4 p.148

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 3

THỐNG KÊ CỦA CẢI QUỐC DÂN

Nội dung

1. Khái niệm của cải quốc dân

2. Phân loại của cải quốc dân

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

3. Thống kê tài sản cố định

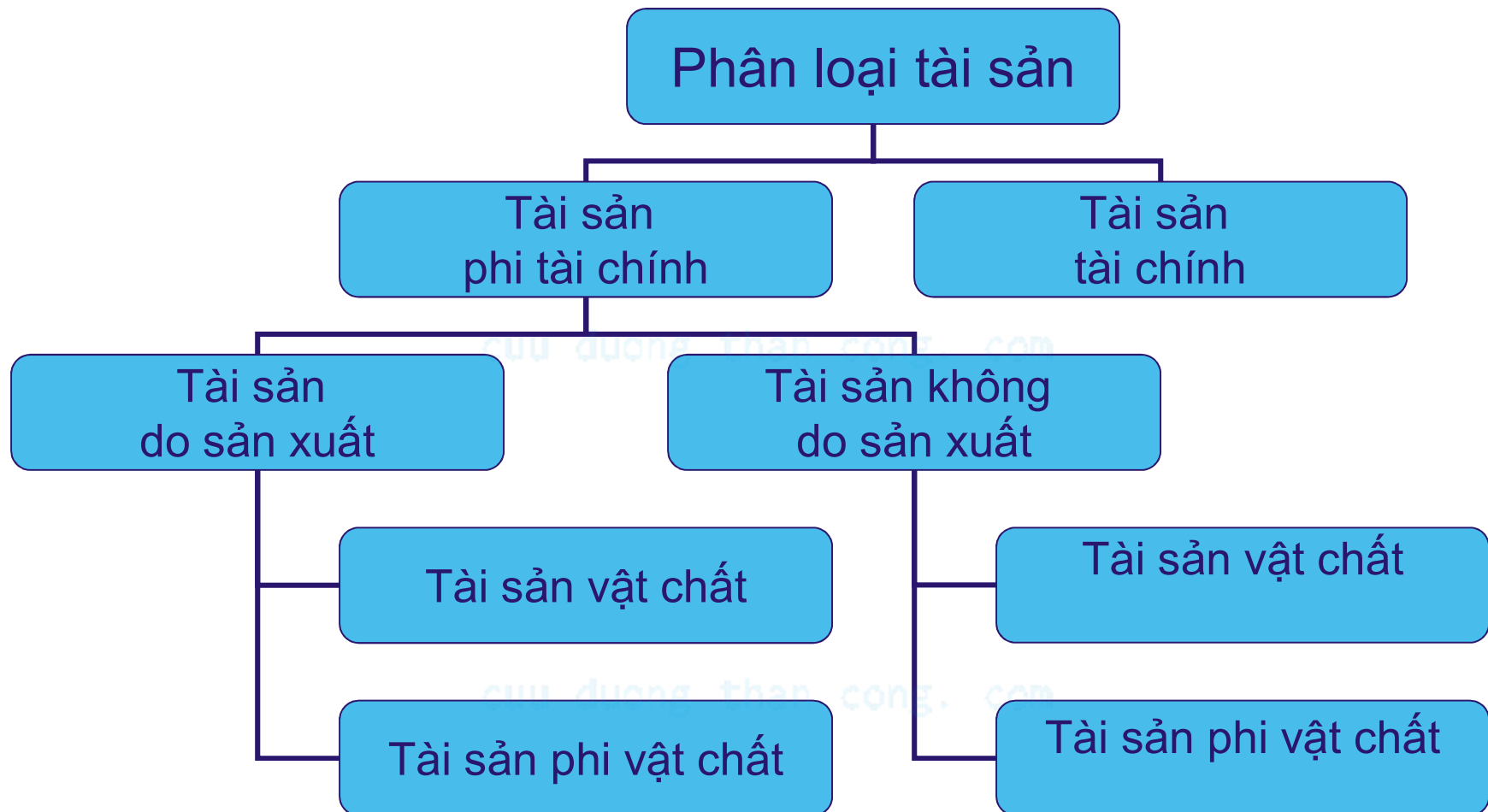
4. Thống kê vốn đầu tư cơ bản

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

1. Khái niệm của cải quốc dân

- Của cải (wealth) theo quan điểm kinh tế chỉ là những tài sản (assets) kinh tế.
- Tài sản kinh tế là tất cả những gì có giá trị kinh tế mà con người tích lũy lại được từ quá trình phát triển của mình cùng với những tài nguyên thiên nhiên hữu ích có giá trị kinh tế. (p.155)

2. Phân loại



3. Thống kê tài sản cố định

- Khái niệm và phân loại
- Quy mô và cơ cấu TSCĐ
- Thống kê giá trị TSCĐ
- Phân tích trạng thái TSCĐ

Khái niệm TSCĐ

TSCĐ là những tư liệu lao động giá trị lớn, có thời gian sử dụng dài, có hình thái hiện vật tự nhiên không thay đổi, tham gia nhiều lần vào quá trình sản xuất, giá trị giảm dần và chuyển vào sản phẩm qua khấu hao.

Phân loại TSCĐ

- Theo hình thái vật chất
- Theo nguồn hình thành
- Theo công dụng
- ...

Thống kê giá trị TSCĐ

- Giá ban đầu (nguyên giá)
- Giá còn lại
- Giá khôi phục
- Giá khôi phục còn lại

Thống kê khấu hao TSCĐ

- Phương thức khấu hao
- Mức khấu hao
- Tỷ lệ (tỷ suất) khấu hao

Thống kê trạng thái TSCĐ

- Hệ số hao mòn
- Hệ số còn lại
- Hệ số loại bỏ
- Hệ số đổi mới

4. Thống kê vốn đầu tư cơ bản

- Khái niệm
- Phân loại
- Hệ thống chỉ tiêu:
 - + Chỉ tiêu thời điểm
 - + Chỉ tiêu thời kỳ
 - + Chỉ tiêu hiệu quả

4. Thống kê vốn đầu tư cơ bản

- Khái niệm
- Phân loại
- Hệ thống chỉ tiêu:
 - + Chỉ tiêu thời điểm
 - + Chỉ tiêu thời kỳ
 - + Chỉ tiêu hiệu quả

Câu hỏi ôn tập và thảo luận

- Câu hỏi thảo luận p.174 GT
- Bài tập 1,2 p.175

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 4&5

THỐNG KÊ KẾT QUẢ SẢN XUẤT

Nội dung

1. Một số vấn đề chung
2. Thống kê giá trị sản xuất
3. Tổng sản phẩm trong nước

1. Một số vấn đề chung

➤ Khái niệm & phân loại sản phẩm

- Theo hình thái hiện vật
- Theo mức độ hoàn thành
- Theo công dụng
- ...

➤ Đơn vị đo lường sản phẩm

- Đơn vị hiện vật
- Đơn vị giá trị
- Đơn vị lao động

Giá cả và Cấu thành giá cả

- Giá nhân tố = chi phí trung gian + tiền công lao động + chi phí khấu hao TSCĐ + thặng dư sản xuất
- Giá cơ bản = giá nhân tố + thuế sản xuất khác trừ trợ cấp
- Giá sản xuất = giá cơ bản + thuế sản phẩm trừ trợ cấp
- Giá sử dụng = giá sản xuất + chi phí lưu thông

cuu duong than cong. com

Nguồn thông tin thống kê KQSX

- Từ các Bộ, Ban, Ngành, Sở
- Từ các cơ sở SXKD (do Bộ TC quy định)
- Từ các ngân hàng (do NHNN quy định)
- Từ các DNNN
- Từ các cơ quan HCSN
- Từ các cuộc điều tra thống kê

2. Thống kê giá trị sản xuất

- **Giá trị sản xuất** (Gross Output - GO) là chỉ tiêu phản ánh giá trị toàn bộ sản phẩm là kết quả hoạt động sản xuất của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định.
- Chỉ tiêu GO có thể tính cho đơn vị kinh tế, ngành kinh tế, khu vực kinh tế hoặc toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

cuu duong than cong. com

Nguyên tắc tính GO

- Tính theo nguyên tắc thường trú
- Tính theo thời điểm sản xuất
- Tính theo giá hiện hành và giá so sánh
- Tính toàn bộ giá trị sản phẩm
- Tính toàn bộ kết quả sản xuất

cuu duong than cong. com

Phương pháp tính GO

- Đối với loại hình doanh nghiệp
- Đối với loại hình hành chính sự nghiệp
- Đối với loại hình sản xuất kinh doanh khác

(Giáo trình TKKT)

cuu duong than cong. com

Đặc điểm phương pháp tính một số ngành

- GO nông nghiệp tính theo phương pháp tổng mức chu chuyển
- GO công nghiệp - xây dựng tính theo phương pháp doanh nghiệp
- GO xây dựng không tính giá trị thiết bị lắp đặt

3. Tổng sản phẩm trong nước

- Chi phí trung gian
- Giá trị gia tăng
- Tổng sản phẩm trong nước
- Một số chỉ tiêu có liên quan

Chi phí trung gian

Chi phí trung gian (IC- intermediat consumption) là một bộ phận cấu thành của giá trị sản xuất, bao gồm những chi phí vật chất và dịch vụ đã sử dụng trong quá trình sản xuất

Chi phí trung gian và Tiêu dùng trung gian

- Theo quan điểm của người tiêu dùng, sản phẩm được dùng làm đầu vào cho quá trình sản xuất hay được tiêu dùng cho sản xuất gọi là TDTG.
- Theo quan điểm của người sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm của mình đã phải chi phí sản phẩm vật chất và dịch vụ trả cho bên ngoài là bao nhiêu. Những chi phí đó thường phản ánh bằng tiền và tính theo một chu kỳ kế toán nên gọi là CPTG.

Chi phí trung gian và Tiêu dùng trung gian

- Theo phạm vi từng ngành, CPTG thường khác TDTG nhưng trong toàn bộ nền kinh tế, tổng CPTG bằng tổng TDTG.
- Về tác dụng, CPTG là cơ sở để tính VA còn TDTG dùng trong nghiên cứu mối quan hệ với tiêu dùng cuối cùng và sử dụng cuối cùng của nền kinh tế.

cuu duong than cong. com

Giá trị gia tăng

Giá trị gia tăng (Value Added - VA) là lượng giá trị mới tăng thêm trong giá trị sản phẩm do kết quả của quá trình sản xuất và khấu hao TSCĐ trong một thời kỳ nhất định.

Phương pháp tính VA

- **Phương pháp sản xuất:**

$$VA = GO - IC$$

- **Phương pháp phân phối:**

$VA = \text{Thu nhập lần đầu của người lao động} + \text{Thu nhập lần đầu}$
 $\text{của doanh nghiệp} + \text{thuế sản xuất} + \text{khấu hao TSCĐ}$

Tổng sản phẩm trong nước

Kinh tế học vĩ mô định nghĩa:

Tổng sản phẩm trong nước (Gross Domestic Product - GDP) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một nước, trong một thời kỳ nhất định.

Phương pháp tính GDP

Theo phương pháp sản xuất:

- GDP bằng tổng VA của toàn nền kinh tế cộng với thuế nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.
- $GDP_{SX} = \sum GO_{\text{ngành}} - \sum IC_{\text{ngành}} + \text{Thuế nhập khẩu}$

Phương pháp tính GDP

Theo phương pháp phân phối:

- GDP bằng tổng thu nhập lần đầu của người lao động, tổng thu nhập lần đầu của doanh nghiệp, tổng thuế sản xuất và nhập khẩu và tổng khấu hao TSCĐ
- $GDP_{PP} = \text{Tổng thu nhập lần đầu} = \text{Tổng thu nhập cuối cùng}$

cuu duong than cong. com

Phương pháp tính GDP

Theo phương pháp sử dụng cuối cùng:

- GDP bằng tổng chi cho sử dụng cuối cùng, đó là TDCC của dân cư, TDCC của chính phủ; tiết kiệm hay tích lũy và xuất khẩu trừ nhập khẩu.
- $GDP_{SDCC} = C + G + S + E - M$ (quan điểm tài chính)
 $= TDCC + \text{Tích lũy} + \text{Chênh lệch XNK}$ (quan điểm vật chất)

Chỉ số giảm phát GDP

Chỉ số giảm phát GDP là tỷ số giữa GDP danh nghĩa (GDP tính theo giá hiện hành) và GDP thực tế (GDP tính theo giá so sánh)

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Một số chỉ tiêu có liên quan

- $GNI = GDP + \text{Thu nhập thuần nhân tố sản xuất}$
- $NNI = GNI - \text{Tổng khấu hao TSCĐ}$
- $NDI = NNI + \text{Chuyển nhượng hiện hành thuần}$
- $S = NDI - C$

cuu duong than cong. com

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 6

BẢNG CÂN ĐỐI LIÊN NGÀNH

Nội dung

- Khái niệm
- Nguyên tắc lập
- Phân loại
- Cấu trúc và nội dung bảng
- Tác dụng
- Hướng phân tích

Khái niệm

Bảng cân đối liên ngành (bảng vào ra, bảng Input – Output, bảng I/O) là trung tâm của SNA, cung cấp lược đồ phân tích chi tiết và tổng hợp quá trình sản xuất, phân phối và sử dụng hàng hóa và dịch vụ theo một số lớn ngành kinh tế hoặc ngành sản phẩm.

cuu duong than cong. com

Nguyên tắc lập

- Theo lãnh thổ kinh tế
- Theo thời kỳ (1năm)
- Theo giá thị trường
- Theo ngành kinh tế (hoặc ngành sản phẩm)
- Đảm bảo tính cân đối và tính hệ thống

Phân loại

- Theo đơn vị tính: hiện vật và giá trị
- Theo giá tính: giá cơ bản và giá sản xuất
- Theo tính chất: bảng I/O tĩnh và động

Cấu trúc và nội dung bảng

<div> <div>Ngành kinh tế (j)</div> <div>Ngành sản phẩm (i)</div> </div>	Sử dụng cho sản xuất (chi phí trung gian)					Tổng	Sử dụng cuối cùng				Tổng giá trị sản xuất (GO)
	1	2	3	...	n		Tiêu dùng cuối cùng	Tích lũy tài sản	Xuất khẩu	Nhập khẩu	
1											
2											
3			I					II			
...											
n											
Cộng CPTG (IC)											
Giá trị tăng thêm (VA)											
- TN_I NLĐ											
- Thuế SX			III								
- Thặng dư											
- Kh.hao TSCĐ											
Tổng giá trị sản xuất (GO)											

Cấu trúc và nội dung bảng

- Ô I phản ánh chi phí trung gian (hay TDTG) cho sản xuất phân theo ngành
- Ô II phản ánh từng loại sản phẩm sử dụng cho nhu cầu cuối cùng: Tiêu dùng cuối cùng, Tiết kiệm, Xuất nhập khẩu
- Ô III phản ánh các yếu tố của VA
 - ✓ Theo hàng (ô I, ô II) phản ánh kết cấu sử dụng nguồn theo từng ngành sản phẩm
 - ✓ Theo cột (ô I, ô III) phản ánh kết cấu giá trị của GO theo từng ngành sản xuất.

Tác dụng

- Xác định quy mô và cơ cấu của các chỉ tiêu chủ yếu như: GO, VA, IC, TDCC, TL, XNK
- Xác định các cân đối lớn của nền kinh tế
- Xác định hệ số kỹ thuật của sản xuất
- Phân tích mô hình kinh tế vĩ mô
- Dự báo sự phát triển và tăng trưởng kinh tế

cuu duong than cong. com

Ma trận hệ số chi phí trực tiếp

$$A = (a_{ij})$$

Trong đó: $a_{ij} = IC_{ij} / Go_j$

Ý nghĩa: Tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành i chiếm trong giá trị sản xuất của ngành kinh tế j

hay: Để tạo ra 1 đơn vị giá trị sản xuất ngành j cần bao nhiêu giá trị sản phẩm ngành i

Hướng phân tích bảng I/O

- Xác định quy mô, cơ cấu các chỉ tiêu
- Xác định các cân đối (tỷ lệ) lớn của nền kinh tế
- Xác định hệ số kỹ thuật của sản xuất
- Phân tích mô hình kinh tế vĩ mô

$$GDP = C + G + I + E - M$$

- Dự báo sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế
- Cung cấp số liệu để lập và kiểm tra các tài khoản khác

HỌC PHẦN THỐNG KÊ KINH TẾ

BÀI 7

THỐNG KÊ NĂNG SUẤT

Nội dung

- Khái niệm và công thức tính
- Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Khái niệm

- Hiệu quả (Efficiency) là làm đủ, không thừa, không thiếu những việc cần thiết, sử dụng tối ưu nguồn lực đầu vào để tạo ra đầu ra.
- Hiệu lực (Effectiveness) là việc định hướng đúng đầu ra, tức tạo ra được sản phẩm thỏa mãn thị trường.
- Năng suất (Productivity) là chỉ tiêu phản ánh quan hệ giữa kết quả đầu ra so với chi phí đầu vào của quá trình sản xuất.

Công thức tính

Dạng thuận	Dạng nghịch
$\text{Năng suất} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}}$	$\text{Năng suất} = \frac{\text{Chi phí đầu vào}}{\text{Kết quả đầu ra}}$
$\text{NS cận biên} = \frac{\Delta \text{kết quả đầu ra}}{\Delta \text{chi phí đầu vào}}$	$\text{NS cận biên} = \frac{\Delta \text{chi phí đầu vào}}{\Delta \text{kết quả đầu ra}}$

Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đầu ra	
		GO	VA
Các chỉ tiêu đơn nhân tố			
1	Năng suất lao động	Tính theo GO	Tính theo VA
2	Năng suất vốn	Tính theo GO	Tính theo VA
Các chỉ tiêu đa nhân tố			
3	Năng suất chi phí tổng hợp lao động và vốn	-	Tính theo VA
4	Năng suất chi phí tổng hợp lao động, vốn và chi phí trung gian	Tính theo GO	-